TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 296/2024/HS-PT
Ngày: 28 - 6 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Hợp**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Long**

Ông **Trần Đức Kiên**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Phong**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Thọ Định**, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 146/2024/TLPT-HS ngày 28 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo Lê Thị Thúy A về tội "*Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự*". Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2024/HSST ngày 10/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị cáo có kháng cáo:

Lê Thị Thúy A (tên gọi khác: T), sinh ngày 10/5/1987 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Thôn N, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Nhân viên bản hiểm; Số CCCD: 046187004423 cấp ngày 08/02/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Khắc V và bà Nguyễn Thị H; Chồng, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/6/2022 đến ngày 23/6/2022 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh. Hiện bị cáo đang tại ngoại, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua bạn bè ngoài xã hội, chị Lê Thị Thanh T1, sinh năm 1984, trú tại số A T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế biết được Lê Thị Thúy A có cho vay tiền nên đã liên lạc gặp A để hỏi vay và được A đồng ý.

Do A đang sinh sống và làm việc tại thành phố Đà Nẵng nên để thuận tiện cho việc vay tiền, chị T1 soạn sẵn một số giấy mượn tiền, để trống phần số tiền mượn, ký vào phần người mượn tiền rồi gởi vào Đà Nẵng đưa cho A cất giữ. Khi có nhu cầu vay tiền, chị T1 gọi điện báo cho A biết số tiền cần vay, thời hạn vay để A ghi vào giấy mượn tiền, ký vào phần người cho mượn rồi dùng điện thoại di động chụp ảnh gửi qua ứng dụng Zalo cho chị T1, sau đó A chuyển khoản số tiền cần vay cho chị T1 nhưng đã được An trừ đi số tiền lãi mà A và chị T1 đã thỏa thuận (A thu tiền lãi trước). Việc chuyển tiền giữa A và chị T1 được thực hiện qua ứng dụng Internet Banking, số tài khoản của A là 19036365892011, mở tại ngân hàng T4; số tài khoản của chị T1 là 100005346931, mở tại ngân hàng V2. Tùy vào nhu cầu vay của chị T1 mà A cho vay số tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng với chu kỳ vay từ 10 ngày đến 30 ngày. Để làm tin, chị T1 giao cho A 01 giấy đăng ký xe máy BKS 75C1-345.64 mang tên Nguyễn Hoàng V1 (chồng chị T1). Do A ở thành phố Đà Nẵng nên nhờ chị Lê Thị Bích A1, sinh ngày 18/4/1988, trú tại 8/235 Bà T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế giữ giùm giấy đăng ký xe này. Trong quá trình vay, một số lần chị T1 chậm trả các khoản vay đến hạn, A đã nhắn tin cho chị T1 và nói nguồn gốc số tiền cho chị T1 vay là do A mượn của chị Ý (Lê Thị Như Ý1, sinh năm 1980, trú tại H Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) và chị T2 (Lê Thị Đoan T3, sinh năm 1984, trú tại thôn N, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế) để thúc chị T1 trả nợ.

Từ ngày 11/02/2022 đến ngày 29/52022, Lê Thị Thúy A đã cho chị Lê Thị Thanh T1 vay 93 lượt với tổng số tiền 4.105.000.000 đồng, mỗi lượt vay từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, thời hạn vay từ 10 ngày đến 30 ngày, lãi suất vay từ 173,3% đến 547,5%/năm. Nguồn gốc số tiền cho chị T1 vay là do A có 126.000.000 đồng, A mượn của chị Lê Thị Bích A1, chị Lê Thị Đoan T3, anh Hoàng Công B và ông Lê Khắc B1 số tiền 455.350.000 đồng, số tiền còn lại phát sinh từ số tiền gốc và lãi mà chị T1 đã trả cho A. Chị T1 đã trả cho A 3.405.000.000 đồng tiền gốc, 626.100.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền lãi theo quy định là 23.818.609 đồng, số tiền lãi vượt quá quy định và A đã thu lợi bất chính là 602.291.781 đồng. Hiện nay chị T1 còn nợ 700.000.000 đồng tiền gốc (có bảng kê kèm theo). (BL: 557-570, 580-604, 606-607, 610-614, 613-614)

Vật chứng và các đồ vật, tài liệu thu giữ:

- Thu giữ của Lê Thị Thúy A gồm:

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, I số 356109098050585.

+ 01 máy tính xách tay hiệu HP.

+ 01 xe mô tô BKS 75C1-172.90 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 75C1-172.90 mang tên Lê Thị Thúy A.

+ 01 tập sao kê số tài khoản 19036365892011 tại ngân hàng Thương mại cổ phần K (T4), chủ tài khoản là Lê Thị Thúy A từ ngày 01/01/2021 đến 13/6/2022.

+ 121 tờ giấy vở và giấy A4 có nội dung vay mượn tiền giữa A và chị T1.

+ 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 75C1-345.64 mang tên Nguyễn Hoàng V1.

- Thu giữ của Lê Thị Thanh T1:

+ 01 tập sao kê số tài khoản 100005346931 tại ngân hàng TMCP C (V2), chủ tài khoản là Lê Thị Thanh T1 từ ngày 11/10/2021 đến 29/5/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Lê Thị Thanh T1 yêu cầu bị cáo Lê Thị Thúy A trả lại cho chị T1 khoản tiền mà A đã thu lợi bất chính.

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2023/HS-ST ngày 07/02/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 35 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Thúy A 100.000.000 đồng về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

- Tại bản án hình sự phúc thẩm số 250/2023/HS-PT ngày 30-6-2023 Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định: Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm nêu trên về phần trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp.

- Ngày 03-7-2023, Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có Văn bản kiến nghị đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án hình sự sơ thẩm nêu trên về phần trách nhiệm hình sự đối với Lê Thị Thúy A.

- Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 08/2023/KN-HS ngày 07-7-2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2023/HS-ST ngày 07-02-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về phần trách nhiệm hình sự đối với Lê Thị Thúy A; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế để xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

- Tại Quyết định giám đốc thẩm số 18/2023/HS-GĐT ngày 10/8/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 382; khoản 3 Điều 388 và Điều 391 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 08/2023/KN-HS ngày 07-7-2023 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2023/HS-ST ngày 07-02-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về phần trách nhiệm hình sự đối với Lê Thị Thúy A.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế để xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2024/HSST ngày 10/01/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Thúy A 06 (S) tháng tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" được trừ thời gian bắt tạm giữ từ ngày 20/6/2022 đến 23/6/2022. Thời gian chấp hành hình phạt còn lại là 05 (Năm) tháng 26 (Hai sáu) ngày kể từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày15/01/2024, bị cáo Lê Thị Thúy A có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thị Thúy A giữ nguyên kháng cáo và xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Thúy A, sửa bản án sơ thẩm cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/01/2024, bị cáo Lê Thị Thúy A có đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm, kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, trong thời hạn quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 3 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên bản án hình sự sơ thẩm được xem xét theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về tính chất hành vi, hậu quả phạm tội:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thị Thúy A đã khai nhận về hành vi phạm tội như Bản án hình sự sơ thẩm đã xác định, lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận: Thời gian từ ngày 11/02/2022 đến ngày 29/5/2022, tại địa bàn thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng, bị cáo Lê Thị Thúy A đã có hành vi cho chị Lê Thị Thanh T1 vay 93 lượt với tổng số tiền 4.105.000.000 đồng, lãi suất cho vay từ 173,3% đến 547,5%/năm, cao gấp 8,67 đến 27,38 lần so với mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự, mỗi lần thu lợi bất chính 1.445.205 đồng đến 11.561.644 đồng, tổng thu lợi bất chính tổng số tiền 602.291.781 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Thị Thúy A đã bị TAND tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử về tội "*Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự*" theo khoản 2 Điều 201 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Bản án sơ thẩm đánh giá đúng tính chất nghiêm trọng của vụ án, mức độ phạm tội của bị cáo, đồng thời xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo Lê Thị Thúy A 06 tháng tù về tội "*Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự*" là phù hợp.

[2.2] Xét kháng cáo của bị cáo Hội đồng xét xử, xét thấy: Hành vi của bị cáo Lê Thị Thúy A cho chị Lê Thị Thanh T1 93 lượt vay tiền, với lãi suất từ 173,3%/năm đến 547,5%/năm, thu lợi bất chính 602.291.781 đồng là rất lớn, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý tín dụng của Nhà nước, gây thiệt hại cho lợi ích của người đi vay nên cũng cần xử phạt bị cáo mức hình phạt phù hợp với tích chất, mức độ phạm tội. Trong vụ án này, bị cáo Lê Thị Thúy A cho vay 93 lượt, mỗi lượt thu lợi bất chính từ 1.445.205 đồng đến 11.561.644 đồng, đều dưới 30.000.000 đồng nên thuộc trường hợp được hướng dẫn tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: *"Trường hợp người thực hiện nhiều lần hành vi cho vay lãi nặng mà các lần thu lợi bất chính đều dưới 30.000.000 đồng nhưng tổng số tiền thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng trở lên và các hành vi này chưa lần nào bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự với khung hình phạt tương ứng với tổng số tiền thu lợi bất chính của các lần cho vay lãi nặng, không áp dụng tình tiết*

tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự".

Do bị cáo phạm tội không thuộc trường hợp*"Phạm tội 02 lần trở lên"*, cho nên không thỏa mãn điều kiện *"Cố ý phạm tội từ 05 lần trở lên"* để áp dụng tình tiết *"Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp"*. Mặt khác, bị cáo có nghề nghiệp là nhân viên bảo hiểm, có thu nhập ổn định, số tiền thu lợi bất chính đang do chị Lê Thị Thanh T1 giữ (chị T1 còn nợ bị cáo 700.000.000 đồng). Do đó, Hội đồng xét xử xét không có cơ sở để áp dụng tình tiết tăng nặng cho bị cáo là *"Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp"*.

Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã nộp số tiền 25.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có ông nội là liệt sĩ, bố đẻ được Nhà nước tặng huân chương kháng chiến hạng 3; đồng thời tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo tiếp tục nộp 10.000.000 đồng khắc phục hậu quả và tài liệu về việc có thành tích trong việc phát hiện và giao nộp vật dụng cháy nổ nguy hiểm có xác nhận của Cơ quan Công an nên được xem là tình tiết mới và được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cũng như xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, nhân thân tốt, nên không cần thiết phải bắt chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng là phù hợp và đảm báo tính răn đe, giáo dục.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về ấn phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Lê Thị Thúy A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Thúy A. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 03/2024/HSST ngày 10/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lê Thị Thúy A.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lê Thị Thúy A 06 (S) tháng tù về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (mười hai)tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Thị Thúy A cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Bị cáo Lê Thị Thúy A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Phòng HSNV- Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Hợp